

MƯỜI NĂM SAU CUỘC KHỦNG HOẢNG CHÂU Á, chúng ta vẫn chưa thoát khỏi cánh rừng

JOSEPH E. STIGLITZ. 10 years after the Asian crisis, were not out of the woods yet.
http://www.dailystar.com.lb/article.asp?edition_id=10&categ_id=5&article_id=83478

DUY MINH
dịch

Joseph Stiglitz là người đã đoạt giải Nobel về kinh tế. Cuốn sách mới nhất của ông là "Làm cho toàn cầu hóa phát huy tác dụng (Making Globalization Work)". Bài viết này của ông được đăng trên tờ Sao Hôm -The Daily Star, ngày 03 tháng 7 năm 2007. Bài viết đưa ra một số nhận xét khái quát về nền tài chính toàn cầu sau 10 năm cuộc khủng hoảng tài chính châu á và nêu ra một vài bài học về cuộc khủng hoảng này trong việc cơ cấu và quản lý nền tài chính toàn cầu.

Tháng Bảy năm nay đánh dấu mười năm cuộc khủng hoảng tài chính của Đông Á. Tháng Bảy năm 1997, đồng Bạt của Thailand tụt giảm mạnh. Ngay sau đó, cơn hoảng loạn tài chính lan sang Indonesia và Hàn Quốc, tiếp đó sang Malaysia. Trong vòng chỉ hơn một năm chút xíu, cuộc khủng hoảng tài chính châu á đã trở thành một cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu với sự đổ vỡ của đồng Rúp Nga và đồng Rê-an của Brazil.

Trong lúc cuộc khủng hoảng vẫn đang diễn ra, không ai biết nền kinh tế sẽ tụt giảm bao nhiêu và trong bao lâu. Nhưng chủ nghĩa tư bản, ngay từ đầu, vẫn luôn được đánh dấu bằng những cuộc khủng hoảng; mỗi lần như vậy, nền kinh tế lại phục hồi, song mỗi cuộc khủng hoảng lại cho ta bài học riêng của nó. Vì thế, một thập kỷ sau cuộc khủng hoảng châu á, lẽ đương nhiên sẽ

phải hỏi: Bài học là gì, và thế giới có học được từ những bài học đó không? Có tái diễn một cuộc khủng hoảng như vậy nữa không? Một cuộc khủng hoảng nữa sắp xảy ra chưa?

Có một điểm giống nhau giữa tình hình khi đó với tình hình hiện nay: Trước cuộc khủng hoảng năm 1997, dòng vốn tăng nhanh từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển - tăng sáu lần trong vòng sáu năm. Sau đó, dòng vốn chảy sang các nước đang phát triển bị đình lại.

Trước khủng hoảng, một vài người cho rằng chi phí rủi ro đối với các nước đang phát triển thấp một cách bất hợp lý. Những nhà quan sát này đã chứng minh điều đó đúng: Cuộc khủng hoảng được đánh dấu bởi chi phí rủi ro ngày càng tăng. Ngày nay, sự phồn thực về lượng thanh toán bằng tiền mặt trên phạm vi toàn cầu một lần nữa lại dẫn

đến những chi phí rủi ro tương đối thấp và lại tái xuất hiện dòng chảy tư bản, bất chấp một sự đồng thuận rộng rãi rằng thế giới đang phải đối mặt với rất nhiều rủi ro (kể cả rủi ro do vốn thu hồi từ chi phí rủi ro cao hơn so với mức trung bình).

Năm 1997, Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Bộ Tài chính Mỹ đã đổ lỗi cuộc khủng hoảng cho tình trạng thiếu minh bạch trong các thị trường tài chính. Nhưng khi các nước đang phát triển chỉ ra những tài khoản ngân hàng bí mật và các quỹ lén lút, thì sự hào hứng của IMF và Mỹ về sự minh bạch lớn hơn không còn nữa. Kể từ đó đến nay, các quỹ lén lút vẫn không ngừng ra đời và các tài khoản ngân hàng bí mật vẫn gia tăng.

Nhưng có những điểm khác biệt lớn giữa xưa và nay. Hầu hết các nước đang phát triển đã tích lũy lượng dự trữ ngoại tệ khổng lồ. Họ đã có bài học về điều gì sẽ xảy ra đối với các nước nếu không làm như vậy một khi IMF và Bộ Tài chính Mỹ bước vào và lấy đi chủ quyền kinh tế và đòi hỏi các chính sách phải nhằm thúc đẩy việc hoàn trả cho các chủ vay tín dụng phương Tây, những người đã nhấn chìm nền kinh tế của họ vào sự suy thoái và sụt giảm sâu sắc.

Dự trữ ngoại tệ rất tốn kém, vì tiền có thể được sử dụng vào các dự án phát triển để thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, những lợi ích trong việc giảm khả năng xảy ra một cuộc khủng hoảng khác và mất độc lập về kinh tế còn quan trọng hơn so với sự tốn kém như vậy.

Sự gia tăng dự trữ ngoại tệ này, trong khi bảo đảm cho các nước đang phát triển, đã tạo một nguồn bất ổn định toàn cầu mới. Đặc biệt khi đồng Đôla mất vị trí thiêng liêng là kho dự trữ giá trị dưới thời chính quyền Bush, thì việc tái cân bằng những kho dự trữ nhiều ngàn tỉ Đôla đã kích thích việc bán tháo các cổ phần Đôla, góp làm suy

yếu đồng Đôla.

Các nước đang phát triển cũng ngày càng đi vay bằng đồng tiền riêng của họ trong mấy năm qua, do vậy đã hạn chế tính phụ thuộc vào ngoại tệ. Đối với những nước đang phát triển mà vẫn chịu nợ nước ngoài nặng, sự gia tăng chi phí rủi ro hầu như chắc chắn sẽ dẫn đến biến động kinh tế, nếu không muốn nói là khủng hoảng. Nhưng thực tế, việc nhiều nước có kho dự trữ lớn có nghĩa là khả năng xảy ra một cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã được giảm đi rất nhiều.

Trong thời gian đang diễn ra cuộc khủng hoảng năm 1997, đã có một sự đồng thuận rằng cần phải thay đổi kiến trúc tài chính toàn cầu: Thế giới cần hành động tốt hơn trong việc ngăn chặn và đối phó với các cuộc khủng hoảng khi chúng xảy ra. Nhưng Bộ Tài chính Mỹ và IMF nhận thấy rằng những cuộc cải tổ như vậy mà thế giới mong muốn không nằm trong mối quan tâm của họ.

Họ đã làm cái mà họ có thể để bảo đảm rằng những cải tổ có ý nghĩa đã không xảy ra trong thời kỳ khủng hoảng, cho rằng sau khủng hoảng, động lực cải cách sẽ tan biến. Họ đã đúng hơn những gì họ biết. Sau cùng, có ai lại mong đợi rằng Tổng thống Bill Clinton sẽ được kế tục bởi một người có chủ trương xem nhẹ hệ thống đa phương dưới mọi biểu hiện không?

Ví dụ, sau cuộc khủng hoảng của Argentina, khi IMF đã gợi ý đúng rằng cần phải có một phương thức cơ cấu lại nợ có hiệu quả hơn (một thủ tục phá sản quốc tế), Mỹ đã phủ quyết sáng kiến này. Khi Tổ chức các nước phát triển và hợp tác kinh tế (OECD) đề xuất một hiệp định hạn chế những hoạt động bí mật của ngân hàng, chính quyền Bush cũng đã phủ quyết sáng kiến đó.

Trên thực tế, hai bài học quan trọng bậc nhất từ cuộc khủng hoảng này vẫn

chưa được thăm thấu.

Bài học thứ nhất là tự do hóa thị trường vốn - mở cửa các thị trường tài chính của các nước đang phát triển cho sự gia tăng tiền “nóng” trong thời gian ngắn hạn - là nguy hiểm. Không phải ngẫu nhiên mà chỉ có duy nhất hai nước đang phát triển lớn nằm ngoài khủng hoảng là Ấn Độ và Trung Quốc. Cả hai nước này đã chống lại việc tự do hóa thị trường vốn. Tuy nhiên, hiện nay, cả hai nước lại đang chịu áp lực phải tự do hóa.

Bài học thứ hai là trong một thế giới hội nhập cao, cần có một thể chế tài chính quốc tế tin cậy để xây dựng những quy tắc giao thông theo cách để tăng cường sự ổn định toàn cầu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển. IMF, vốn bị chi phối bởi Mỹ (nước duy nhất có quyền phủ quyết) và

châu Âu (theo tập quán, chỉ định người đứng đầu thể chế này), từ lâu đã được nhìn nhận là đại diện cho lợi ích của những chủ nợ quốc tế. Những thất bại của thể chế này trong cuộc khủng hoảng năm 1997 đã hạ thấp hơn nữa uy tín của nó, và việc thể chế này không làm gì trước sự mất cân bằng về tài chính toàn cầu để trở thành mối đe dọa chính đối với sự ổn định tài chính toàn cầu hiện nay đã nhấn mạnh thêm những hạn chế của nó.

Cải cách vẫn là cần thiết kể cả phải xóc lại hệ thống dự trữ toàn cầu. Chúng ta có thể sẽ không phải đối diện lại với cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 1997, nhưng không được phạm sai lầm. Những gì thiếu hoàn thiện trong hệ thống tài chính toàn cầu vẫn còn rất tồn kém, xét cả về phương diện sự thịnh vượng và ổn định toàn cầu.

(tiếp theo trang 54)

. Tuy nhiên sự tìm kiếm một giá trị gia tăng cao hơn không phải dễ dàng; hoặc không thể đặt cơ sở trên một tầm nhìn ngắn hạn. Những bước tiến về năng suất lao động bền vững đòi hỏi những chiến lược và chính sách hướng về đổi mới.

Cho đến gần đây, “giá trị gia tăng cao hơn” vẫn là ưu tiên của những công ty đa quốc gia có cội rễ sâu ở Hoa Kỳ, Tây Âu và Nhật Bản. Hiện nay,

những công ty đa quốc gia ở Trung Quốc và Ấn Độ đang tìm cách chuyển những lợi thế về giá cả tới những lợi thế cạnh tranh có tính bền vững hơn - thông thường thông qua đổi mới.

Trong phần kết luận, tác giả cho rằng, với Trung Quốc và Ấn Độ, vẫn còn một cuộc hành trình dài trước mắt để phát triển công nghệ và tạo dựng tinh thần kinh doanh sáng tạo nhằm bắt kịp các quốc gia đổi mới hàng đầu trên thế giới.